TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 7 -2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nam Đừng

Ông Đỗ Thành Tiết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Cầm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 11/TB-TA, ngày 16 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Mỹ N, sinh năm 1996 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 9, Ấp 4, xã T, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Lê Hoàng K, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C2, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn K kiện đề ngày 30 tháng 12 năm 2020 và lời khai của nguyên đơn là chị Trương Thị Mỹ N thể hiện như sau: Chị N và anh K chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Thời gian chung sống với anh K có một người con chung tên Lê Hoàng N V, sinh ngày 29/12/2017, con hiện đang sống chung với chị N. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn được, anh K không lo làm ăn, thường xuyên bỏ nhà đi, thậm chí khi cự cải nhau anh K còn đánh chị, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai người ấy

sống, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vì vậy, chị và anh K không còn chung sống từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay không quay lại chung sống được. Nay chị N không còn tình cảm với anh K nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hoàng K.

Về con chung: Chị N yêu cầu nuôi con chung tên Lê Hoàng N V, sinh ngày 29/12/2017 và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Hoàng K là bị đơn: Anh K không có ý kiến trả lời bằng văn bản. Mặc dù anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Chị N và anh K chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, chị N và anh K bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cự cãi, hôn nhân không thể hàn gắn vì hai bên không thể hòa giải. Do đó, nếu kéo dài cuộc hôn nhân cũng không có ý nghĩa. Nay chị N kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh K, còn anh K mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai hay chứng cứ gì cho Tòa án. Do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N cho chị N được ly hôn với anh K là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Từ khi chị N và anh K không còn sống chung cho đến nay, cháu V sống chung với chị N, chị N vẫn chăm sóc nuôi dưỡng con tốt về mọi mặt, do đó nghĩ nên tiếp tục giao con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là phù hợp với quy định của Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N là có căn cứ chấp nhận. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị N và anh K tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28; 35; 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, anh

K là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh K là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh K chung sống với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết Tòa án xác minh đối với người thân hai bên gia đình chị N và anh K được biết: Nguyên nhân mẫu thuẫn giữa chị N và anh K là do anh K có tính ham chơi, không lo làm để cùng vợ lo cho gia đình, con cái nên thường xuyên cự cải nhau, sống không có hạnh phúc. Mặc dù, gia đình hai bên có khuyên bảo vợ chồng nên nhẫn nhịn để hàn gắn lại với nhau nhưng không có kết quả. Đồng thời, Tòa án đã nhiều lần thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K để hòa giải, động viên anh chị khắc phục mâu thuẫn và cùng đoàn tụ lại với nhau nhưng anh K vẫn vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử và không có ý kiến thể hiện bằng văn bản; điều này cho thấy anh K không quan tâm đến cuộc hôn nhân của mình và cũng không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, kéo dài cuộc hôn nhân cũng không có ý nghĩa. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về yêu cầu nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Lê Hoàng N V, sinh ngày 29/12/2017, hiện do chị N đang nuôi dưỡng từ khi ly thân cho đến nay. Bản thân chị N có đầy đủ sức khỏe để lao động có thu nhập nuôi sống bản thân mình và con cái. Quá trình nuôi dưỡng con chung, chị N đảm bảo điều kiện về mọi của con. Do đó, Hội đồng xét xử giao Lê Hoàng N V cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi các con theo quy định của pháp luật. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con". Như vậy, việc cấp đưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Do đó, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị N khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Mỹ N; cho chị Trương Thị Mỹ N được ly hôn với anh Lê Hoàng K.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Trương Thị Mỹ N. Giao cháu Lê Hoàng N V, sinh ngày 29/12/2017 cho chị Trương Thị Mỹ N tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Trương Thị Mỹ N. Buộc anh Lê Hoàng K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 745.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị Mỹ N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trương Thị Mỹ N khai không có nên nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trương Thị Mỹ N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003841 ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Chị Trương Thị Mỹ N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Lê Hoàng K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cầu Kè;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Mỹ Ai